

PHẬT GIÁO VÀ TÌNH MẸ

Daya Dissanayake

TÓM TẮT

Qua những bằng chứng trải qua hàng ngàn năm, bài viết này cố gắng mô tả Đức Phật cảm nhận được tình mẹ, và làm thế nào những đệ tử theo Đức Phật hiểu được điều đó. Ở Sri Lanka chúng tôi đồng nhất mối quan hệ giữa Phật quả và Làm mẹ. Nhiều thế kỷ trước, các nhà thơ Phật giáo của chúng tôi đã sử dụng thuật ngữ “Ama Meniyo” để gọi Đức Phật là Mẹ, Người mẹ nuôi chúng ta hoặc hướng dẫn chúng ta đến Niết bàn. Phật là một với Mẹ, và chừng nào Mẹ còn ở với chúng ta, Phật sẽ luôn ở bên chúng ta, bất kể tín ngưỡng nào chúng ta tin tưởng, dù chúng ta sống ở Sri Lanka, Ấn Độ, Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc, Vương quốc Anh, Nga hay Hoa Kỳ.... Làm mẹ sẽ ở với chúng ta cho đến lần tái sinh tiếp tục, hoặc cho đến khi đạt được Nibbana (Niết Bàn). Theo quan niệm hiện đại, với việc sinh con đẻ cái, thì người Mẹ sẽ ở bên chúng ta. Làm mẹ là một phẩm giá cao hơn nam tính và nữ tính. Chúng ta có một câu nói rằng Mẹ của chúng ta là Đức Phật tại nhà. Trong nền văn hóa của Sri Lanka, Mẹ luôn là người đầu tiên được nghĩ đến. Mẹ luôn vượt lên trên cả phụ nữ hay nam giới. Trong việc thụ thai, mang vác, sinh nở và chăm sóc một đứa trẻ, Bà trải qua một trải nghiệm mà không người đàn ông nào có thể tưởng tượng được. Trong Phật giáo, Mẹ là vũ trụ, là Phạm thiên. Tình yêu của Bà là thuần khiết và không ích kỷ, giống như tình yêu của một vị Phật, hay một vị thần thực sự.

Người dịch: Đức Kiên

Đây là một nỗ lực để hiểu làm thế nào Đức Phật có thể thấu cảm được Tình mẹ và Tình mẹ có thể được chấp nhận bởi những người Phật tử.

TÌNH MẸ

Tình mẹ sẽ còn hiện hữu với chúng ta cho đến khi nào vòng luân hồi còn tiếp tục hoặc cho đến chứng nhập được Niết Bàn (Nibbana). Theo quan điểm hiện đại, với việc sinh con đẻ cái, thì Tình mẹ sẽ luôn hiện hữu với chúng ta.

Chúng ta có một đoạn kệ ngôn bằng tiếng Pali để ca ngợi về Mẹ như sau:

Dasa mase urekatva-posesi vuddhi karanam

Ayu digham vassasatam-matu padam namamaham

(Mẹ đã chở che con trong bụng suốt gần mười tháng, và Mẹ đã nuôi dạy con thật tốt, cho nên con phủ phục dưới đôi chân của Mẹ và cầu chúc cho Mẹ sống lâu trăm tuổi).

Trong bài kinh Mitta, chúng ta có đoạn kệ sau: mata mittam sake ghare”i, dịch nghĩa Mẹ là bạn của mọi người ở nhà.

Chúng ta sẽ không bao giờ biết hết được những ngôn từ mà Đức Phật đề cao Tình mẹ trong sự kính mến và tôn trọng cao nhất, và Người Mẹ như là một vị Phạm Thiên (Brahma) hoặc Chư Thiên (Deva).

Dựa trên tiểu sử của Đức Phật Gautama, Ngài đã không may mắn được nhận tình thương và sự chăm sóc từ người mẹ ruột của mình. Tuy nhiên, Ngài không mất đi tình thương từ người mẹ như bao đứa trẻ khác vì đã có sự chăm sóc và nuôi dưỡng như là con ruột từ người dì – bà Maha Prajapati Gotami. Đức Phật đã yêu mến và kính trọng bà Prajapati Gotami như là Mẹ ruột bằng sự quan tâm cao nhất. Điều này đã được mô tả trong văn học Phật giáo, cụ thể là trong bài kinh Mahapajapatigotami Apadana trích trong Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka Nikaya), thuật lại việc Đức Phật đã theo sát phía sau di hài của bà Prajapati Gotami trong đám tang của bà ấy.

Một hình tượng đích thực về tình Mẹ cần phải kể đến là bà Maha

Maya Devi, không chỉ vì đã sinh ra Bồ tát Siddharta, mà còn có công nuôi dưỡng Ngài. Tiểu sử của Đức Phật ghi lại rằng Mẹ của Ngài đã chết bảy ngày sau khi sinh ra Ngài, nhưng lại không mô tả bà đã chết như thế nào. Chúng ta biết rằng tỷ lệ tử vong của Người mẹ sẽ rất cao vào giữa thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên.

Bí ẩn về hoàng hậu Maya Devi cùng với sự ra đời và nơi sinh của Đức Phật vẫn còn tiếp tục cho đến tận ngày hôm nay, khi mà các cuộc khai quật tại Lumbini (Lâm Tỳ Ni) đã cho thấy trước thời kỳ Vua Asoka và thậm chí là trước thời kỳ đức Phật, nơi đây đã từng là nơi thờ cúng. Robin Conningham et.al. cho rằng không chỉ có bằng chứng về các công trình kiến trúc kiên cố xưa hơn đền Asokan, mà còn ghi nhận có sự hiện diện của các công trình kiến trúc không kiên cố khác nữa. Các mẫu Carbon phóng xạ từ hai lỗ khoan cho thấy chúng có niên đại từ 799 đến 546 trước Công nguyên và từ 801 đến 548 trước Công nguyên, điều này đã phác họa ra một giả thuyết rằng nơi đây đã từng là một nơi thờ tự từ rất sớm và có các hoạt động tín ngưỡng tại Lumbini trước cả triều đại Asoka.

Một nỗ lực đã được thực hiện để liên kết những bằng chứng ban đầu của các vật liệu hữu cơ thu thập được và các chứng cứ được tìm thấy vào thời kỳ đầu Anuradhapura ở Sri Lanka, nơi mà các bực đã được dựng lên dưới chân cây Bo (*Ficus religiosa*). Tuy nhiên, cho đến ngày nay không có bằng chứng nào về một cây Bo ở nơi đền Maya Devi. Nếu vườn Lumbini là một không gian linh thiêng trước thời Đức Phật, thì đó có thể là nơi thờ phụng của một nữ thần cây hoặc một Mẫu thần nào đó, là biểu tượng cho Tình mẹ về khả năng sinh sản và cho sự sinh nở an toàn, và cây thiêng đó có thể là một cây Sala hoặc Asoka. Có lẽ trong quá khứ, nơi này đã được một số người xem là không gian linh thiêng của Phật giáo với Maya Devi là Mẫu Thần, hoặc là biểu tượng của Tình Mẹ.

Sau khi bà Maya Devi qua đời, người em gái của bà, bà Prajapati Gotami đã thay thế vị trí mẹ ruột và trở thành biểu trưng cho Tình Mẹ. Nhưng mãi về sau, những người theo đạo Phật mới bắt đầu xem bà như một hình mẫu của Người Mẹ và với ảnh hưởng Kitô giáo,

một số giáo phái Phật giáo đang tin vào giả thuyết Đức Phật được sinh ra từ một “Đức mẹ đồng trinh”.

*Mata yatha niyam puttam,
Ayusa ekaputtam anurakkhe,
Evampi sabbabhutesu,
Manasam bhavaye aparimanam*

“Như người mẹ giàu tình thương, suốt cuộc đời luôn che chở cho đứa con trai duy nhất của mình. Nên hãy phát tâm vô lượng như vậy với tất cả các chúng sinh”.

*Mata pitu upatthanam,
Putta darassa sangaho,
Anakula ca kammanta,
Etam mangala muttamam*

“Chăm sóc mẹ và cha, biết chăm sóc gia đình và con cái của mình, được làm một nghề nghiệp thích hợp. Đó là một phước đức lớn nhất”. (kinh Đại Phúc Đức - Maha Mangala Sutta).

Cho nên, Phật pháp sẽ luôn tồn tại cùng với chúng ta, bởi vì giáo pháp là một quy luật tự nhiên của vũ trụ, bất kể chúng ta theo tín ngưỡng nào, và cho dù chúng ta sống ở Sri Lanka, Ấn Độ, Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc, Vương quốc Anh, Nga hay Hoa Kỳ.

SRI LANKA

Ở Sri Lanka, chúng tôi có một câu nói: “Mẹ là một Đức Phật tại nhà”. Hay một câu khác là “Cầu mong mẹ của chúng con sẽ thành Phật”, mà cách đây vài thập kỷ, những người đàn ông đã xăm những chữ ấy lên trên ngực của họ. Trong văn hóa của chúng tôi, Người Mẹ luôn được nhắc đến đầu tiên, Mata Pitu, sau đó mới là Cha.

Chúng tôi đã thấy được một mối liên quan mật thiết giữa Phật giáo và Tình mẹ. Nhiều thế kỷ trước, các nhà thơ Phật giáo của chúng tôi đã sử dụng thuật ngữ “Ama Meniyo” để gọi Đức Phật là

Mẹ, Người mẹ nuôi chúng ta hoặc hướng dẫn chúng ta con đường chúng nhập được Niết bàn. Phật pháp là một với tình Mẹ và Tình mẹ luôn hiện diện trong chúng ta.

Trong hai hoặc ba thiên niên kỷ qua, Sri Lanka có một môi trường phù hợp nhất để người dân hiểu và thâm nhập Phật pháp. Metta - lòng từ, vốn có trong mỗi con người. Người dân sẽ không cố ý làm tổn thương bất kỳ sinh vật sống nào khác để làm thực phẩm hoặc để giải trí. Trong khí hậu nhiệt đới màu mỡ, đã có quá nhiều loại thực vật cung cấp thực phẩm cho họ. Vì vậy, bạo lực, thậm chí là khái niệm về bạo lực, đã hoàn toàn vắng mặt. Tổ tiên của chúng ta là những người chỉ biết hái lượm trái cây để làm thức ăn, chứ không phải thợ săn bắn động vật. Nghiên cứu về các bức tranh điêu khắc trên các hang động thời tiền sử được thực hiện bởi giáo sư cũng là nhà khảo cổ học Raj Somadeva, đã không tìm thấy bất kỳ cảnh săn bắn nào miêu tả trên đó, điều này thuyết phục tôi rằng chỉ có những người hái lượm trái cây và không hề có bất kỳ thợ săn bắn nào, hoặc thậm chí cả cộng đồng thợ săn bắn nào ở Sri Lanka. Nó đặt ra một câu hỏi trong đầu tôi rằng có thực sự là vua Devanampiya Tissa đã đi săn để giết một con nai vô tội, khi anh gặp Arhat Mahinda thero. Đó là lý do tại sao tôi tin rằng Sri Lanka sẽ là quốc gia phù hợp nhất để nghiên cứu mối quan hệ giữa Tình mẹ và Phật Pháp.

Phật tử Sri Lanka Sinhala cũng tôn thờ một “Đức Mẹ” được gọi là “Pattini Meniyo”. Nguồn gốc của bà là ở Nam Ấn Độ, và bà được biết đến trong Cộng đồng người Hindu ở Sri Lanka với tên gọi “Kannaki” từ sử thi Silapadikaram của Ilango Adigal. Ở các nước nghèo, bệnh truyền nhiễm và bệnh của trẻ em đã được Pattini chữa khỏi. Trong các khu vực khác, vai trò này đã được Kiri Amma đảm nhận, đôi khi Kiri Ammas được xem là người hầu của Pattini và đôi khi là hóa thân của bà ấy.

Do đó, Patt Pattini được xem là “Người mẹ hiền từ” và là một người vợ lý tưởng, mọi người suy tôn Bà vì Bà đã giúp đỡ nhân dân trong việc mùa màng và giúp họ chữa hết bệnh tật. Pattini là một vị Phật tương lai và hình ảnh “người mẹ hiền từ” đã từng xuất hiện

trong các đền thờ công cộng.. Đức Phật, trái ngược với Pattini, ít nói về lợi ích vật chất của con người: mọi người không cầu xin Ngài để có sức khỏe, sự giàu có hay hết bệnh tật. Khía cạnh yêu thương thuần khiết của Người Mẹ có thể được chuyển thành hình tượng của Đức Phật, là người xuất hiện trong giáo phái “Bodhi Puja” đương thời với tư cách là “Phật Mẫu”.

Ngoài ra còn có nhiều vị nữ thần địa phương trong tín ngưỡng của các Phật tử Sri Lanka, và thậm chí đôi khi dùng chung hình tượng với cộng đồng Ấn giáo, những người thường được xem như Đức Mẹ. Họ được gọi là “Amma” (Mẹ), ngay cả khi chính họ chưa sinh ra con. Một vị thần như vậy được gặp ở miền cực Nam là Amma Hamuduruwo, từ “Hamuduruwo” là thuật ngữ địa phương chỉ một tu sĩ Phật giáo. “Maha Loku Amma” được coi là chị gái của Thần Saman tại Sri Pada (Đỉnh Adam) v.v. Điều đó được ghi lại trong biên niên sử Pali rằng Thần Saman được Đức Phật yêu cầu phát triển Phật pháp khi Phật pháp được thành lập ở Sri Lanka. Chúng tôi cũng có Thần “Tevani Amma” và “Valli Amma” với tư cách là phối ngẫu của Thần Skanda tại Kataragama, một lần nữa hình tượng này được dùng chung bởi những người theo đạo Phật và người Ấn giáo. Đất mẹ luôn được coi là “Mahi Matha” và được tôn thờ, bất cứ khi nào nông dân bắt đầu mùa trồng trọt mới hoặc bất cứ khi nào con người có những hành động đụng chạm tới đất. “Kiri Amma” (Một người phụ nữ đã tạo sữa và nuôi con mình trong suốt cuộc đời) được coi là Người hầu của Pattini Amma và hai người đã ban phát sữa làm từ dừa thay thế cho sữa bò cho những trẻ em bị bệnh truyền nhiễm.

Tara được xem như là một nữ thần và một vị Bồ tát, ở hầu hết các quốc gia theo Phật giáo, bao gồm cả Sri Lanka. Mặc dù trong tiếng Pali và tiếng Phạn, Tara thường được hiểu là “Ngôi sao”, nhưng cách tiếp cận phổ biến hơn trong Phật giáo là giải thích tên Taaraa có nghĩa là “vượt qua”, là “trải qua” hoặc “thoát khỏi”. Vì vậy, chúng tôi dịch Tara có nghĩa là “cô ấy đã vượt qua bờ bên kia”, “cô ấy đã đến được bờ bên kia”. vì Tara cũng được cho là đã sinh ra từ một giọt

nước mắt từ bi rơi xuống của Đức Bồ tát Quán Thế Âm khi quán xét về nỗi đau khổ của nhân loại. Tara là một hình tượng được giới thiệu về sau này của Phật giáo, có lẽ vào thế kỷ thứ 5 hoặc thứ 6 sau Công nguyên, và mặc dù Ngài chưa được coi là một người Mẹ, nhưng lại được tôn sùng như một vị nữ thần với những người theo đạo Phật cần tìm kiếm sự giúp đỡ từ Ngài, đặc biệt là ở Tây Tạng và Nepal. Ở Sri Lanka người ta cầu nguyện đến Avaloktshvara (Đức Bồ tát Quán Thế Âm) để mong cầu sức khỏe và sự giàu sang. Chúng tôi tìm thấy hình tượng của Ngài Tara, cùng với Đức Bồ tát Quán Thế Âm, ở Ajanta và Ellora. Ở Sri Lanka, một số bức tượng của Ngài Tara đã được tìm thấy, có niên đại khoảng thế kỷ thứ 8 sau Công nguyên. Ngài có những nét tương đồng với Brahmanic Durga và Parvathi. Còn ở Trung Quốc và Nhật Bản, Kuan Yin được xem là hình tượng tương đồng với Ngài Tara.

Tiến sĩ Raja de Silva, (cựu Ủy viên ngành Khảo cổ học) tuyên bố rằng những bức bích họa nổi tiếng tại Sigirya là của nữ thần Tara, và thậm chí những bức tượng nhỏ bằng đất nung được tìm thấy tại Sigiriya giống với những bích họa cũng là của nữ thần Tara vii. Ngay cả khi chúng tôi chấp nhận tuyên bố của Raja de Silva, thì chúng tôi cũng không có cách nào kết nối nó với tín ngưỡng tôn thờ Đức Mẹ, ở Sri Lanka vào khoảng thế kỷ thứ 5 sau Công nguyên.

Vì không có hình tượng Người Mẹ trong Phật giáo truyền thống và trong tôn giáo cộng đồng, nên để thỏa mãn nhu cầu cần có một hình tượng Người Mẹ để tôn thờ, nên các vị nữ thần hoặc nhân vật huyền thoại có thể đã được tiếp nhận vào Phật giáo một cách phổ biến theo cách mà các vị thần Hindu đã được tôn thờ.

BRAHMA-VIHARA ((PHẠM TRÚ)

Tất cả các bà mẹ, đều đã tu tập Phạm Trú (trạng thái tâm cao thượng) - Metta (Từ), Karuna (Bi), Mudita (Hy), Upeksha (Xả). Tình mẹ là một trạng thái cao hơn phạm trù thuộc về giới tính nam hay nữ. Trong việc thụ thai, mang thai, sinh nở và chăm sóc một đứa trẻ, Người Mẹ trải qua một trải nghiệm mà không người

đàn ông nào có thể tưởng tượng được. Trong Phật giáo, Người Mẹ là vũ trụ, là Phạm thiên. Tình yêu của người mẹ là thuần khiết và không có tính ích kỷ, giống như tình thương của một vị Phật, hay một vị thiện thần.

“Những gia đình nào có con cái tôn trọng mẹ và cha, thì gia đình ấy cộng trú với Phạm thiên, với Chư Thiên cõi đầu tiên” (Itivuttaka 106 Thanissaro dịch).

Trong kinh Sabrahma (Anguttara Nikaya, Catukka Nipatta - Kinh Tăng Chi Bộ, chương Bốn Pháp) Đức Phật đã dạy như sau:

“Này các Tỳ kheo, những gia đình nào, mà ở đấy các con cái kính lễ mẹ và cha, những gia đình ấy được chấp nhận ngang bằng với Phạm Thiên. Những gia đình nào mà ở nơi đấy con cái kính lễ cha mẹ, những gia đình ấy được chấp nhận ngang bằng như các Đạo Sư đầu tiên (pubbācāriyā). Những gia đình nào mà ở nơi đấy con cái kính lễ (ahuneyyā) cha mẹ, những gia đình ấy được chấp nhận ngang bằng như các Chư Thiên cao nhất (pubbadeva). Những gia đình nào mà ở nơi đấy con cái kính lễ cha mẹ, những gia đình ấy đáng được tôn kính.” “Này các Tỳ kheo, Phạm thiên đồng nghĩa với mẹ cha, Đạo Sư đầu tiên đồng nghĩa với mẹ cha, Chư Thiên đồng nghĩa với mẹ cha. Cha mẹ xứng đáng được tôn kính. Vì cơ sao hỡi các Tỳ kheo, vì Cha mẹ đã làm rất nhiều cho con cái của mình, nuôi dưỡng chúng và dìu dắt chúng vào đời”.

Thêm vào hình tượng người cha, có lẽ là một sự pha loãng sau này của những gì Đức Phật đã nói, nơi mà chỉ có Người Mẹ mới được đề cập. Mặc dù sự đóng góp của người cha trong việc sáng tạo và phát triển nên cuộc sống mới, nhưng hầu như là không đáng kể khi so sánh với vai trò của Người mẹ. Nó được giải thích rất rõ trong Kinh Vu Lan Báo Hiếu được đọc tụng ở Phương Đông trong cộng đồng những người Trung Quốc, Nhật Bản và Triều Tiên kể từ thời nhà Tùy (589 - 906). Kinh trình bày những mô tả cảm động nhất về tình thương của người mẹ mà mọi người có thể tìm thấy trong văn học. viii Tuy nhiên, ngay cả trong Kinh Vu Lan

Báo Hiếu, Tính gia trưởng cũng được đề cao, khi bổ sung thêm nhu cầu về lòng thành kính đối với cả Cha và Mẹ. Kinh có lẽ bị ảnh hưởng bởi tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên thường gặp ở phương Đông, vì nó bắt đầu bằng câu hỏi của Đại đức Ananda về Phật khi thấy Đức Phật lạy đống xương và thái độ của Phật. Phật nói: “Đống xương này có thể thuộc về tổ tiên của Ta từ kiếp trước. Họ có thể là cha mẹ của Ta trong nhiều kiếp về trước”. Toàn bộ Kinh nói về tình thương, sự đau khổ và hy sinh của người mẹ. Đức Phật giải thích thêm rằng xương của Người Mẹ có màu đen và trọng lượng nhẹ là do sự sinh đẻ và nuôi dưỡng con bằng sữa của Mẹ mà ra. Mỗi đứa trẻ đều dựa vào sữa của Mẹ để được sống và phát triển và sữa là sự biến đổi từ máu của Người Mẹ cho nên thân thể của Người Mẹ trở nên mòn mỏi và tiêu tụy. Kinh cũng cho biết chi tiết về chín tháng đứa trẻ ở trong bụng mẹ, những gì bà phải chịu trong thời gian này và nỗi đau khi sinh nở. Tiếp theo kinh còn dạy về mười lòng tốt của người mẹ dành cho đứa con. Kinh cũng nói về lòng hiếu thảo cần có của con đối với cha mẹ, mặc dù bản Kinh không đề cập đến bất kỳ đóng góp nào của người cha.

Chúng tôi tình cờ bắt gặp hình ảnh của các bà mẹ trước đây của chúng tôi trong Mata Sutta (Kinh Từ) ở Samyutta Nikaya (kinh Tương Ưng). Tại Savatthi, ở đó, Đức Thế Tôn dạy: “Vô thi là luân hồi này, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc. Nay các Tỳ kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh trong thời gian dài này, lại không một lần đã làm cha của ông ... lại không một lần đã làm mẹ của ông ... anh trai của ông...em gái của ông...con trai của ông... con gái của ông...trong quá khứ”. Có lẽ đó là một cách đơn giản để nhắc nhở mọi người rằng tất cả chúng ta đều có cùng huyết thống, chúng ta đều có mối quan hệ với nhau và có sự bình đẳng trong xã hội, bất kể chúng ta thuộc giai cấp nào đi nữa. Và Tình thương của Người mẹ là thuần khiết và không có tính ích kỷ, giống như tình thương của một vị thiện thần. Người mẹ có thể cảm nhận được tình thương, sự đồng cảm, lòng tốt thông qua các giác quan rất nhạy bén của mình.

NỮ TÍNH

Hình tượng Người mẹ thường gắn liền với nữ tính. Trong một xã hội gia trưởng thì người phụ nữ thường thấp kém và yếu đuối hơn, được cho là giới tính thứ hai, mặc dù thực tế, trong toàn bộ thế giới động vật, con cái là người có tính cách mạnh mẽ, vượt trội và thông minh hơn. Làm mẹ là một thiên chức cao quý hơn cả giới tính nam hay nữ. Một người mẹ vượt lên trên cả phụ nữ hay nam giới. Người mẹ có thể cảm nhận được tình thương, sự đồng cảm, lòng tốt thông qua các giác quan nhạy bén của mình. Từ lúc trứng của Người mẹ được thụ tinh bởi một tinh trùng, họ trở thành một người tạo ra một mầm sống mới, họ trở thành một vớ vũ trụ, và họ nuôi dưỡng con của mình không chỉ bằng máu và bằng sữa khi đứa trẻ còn nhỏ, mà còn bằng tình thương thật sự trong suốt cuộc đời của đứa trẻ. Vì Phật đang chỉ ra con đường cho toàn nhân loại thoát khỏi đau khổ, nên Ngài sẽ không bao giờ có sự phân biệt đối xử với phụ nữ hoặc có bất kỳ sự thiên vị nào dựa trên đẳng cấp, giới tính hoặc địa vị xã hội. Tuy nhiên, các yếu tố văn hóa đã ảnh hưởng rất lớn đến sự bất bình đẳng ngay cả trong cộng đồng Phật giáo sau này.

Xã hội nam quyền vẫn xem Người Mẹ chỉ là một người phụ nữ, hoặc từ chối nhìn nhận vai trò cao cả của họ. Tuy nhiên, Chư Phật đã đặt vị trí Người Mẹ lên trên những người đàn ông và phụ nữ chưa từng làm mẹ mặc cho xã hội cố gắng đẩy họ xuống vai trò thứ yếu trong mọi nền văn hóa và xã hội, ngay cả khi Phật giáo đã lan rộng, ngoại trừ ở Sri Lanka.

Kancha Ilaiah đã cố gắng mô tả vị thế của người phụ nữ trong xã hội Ấn Độ trước thời kỳ Phật giáo theo cách mà ông hiểu. Nền văn hóa bình đẳng Indus Valley dần bị quên lãng ix. Sau đó, giai cấp Bà la môn RigVees được thành lập mà trong đó phụ nữ mất đi tất cả các quyền chính trị và xã hội. Và chỉ trong thời kỳ Đức Phật, người phụ nữ mới lấy lại được một số quyền lợi cơ bản đã mất của mình.

Những phép tắc, nghĩa vụ, và trách nhiệm với những người làm chủ gia đình được đề cập trong kinh Pitaka có thể là phần thêm

vào sau này và chịu ảnh hưởng của các quy tắc Vệ Đà như đã đề cập trong Satapatha Brahmana. Và cũng trong thời gian này Manu, Kautilya và Vatsyayana đã thêm vào những đóng góp của họ dành cho những người phụ nữ nô lệ ngay cả trong giáo lý và trong văn học sau này.

Mặc dù hình ảnh Người Mẹ bị hạ xuống thứ yếu, và có sự phân biệt giới tính trong xã hội, tuy nhiên, Chư Phật đã chống lại sự bất bình đẳng đó, Người Mẹ vẫn là một nạn nhân của văn hóa và của các chuẩn mực xã hội. Họ buộc phải chăm sóc con cái của mình bên cạnh các công việc gia đình khác. Đó là lý do tại sao ở Ấn Độ cổ đại trong giáo đoàn các Tỳ kheo ni, chúng ta bắt gặp hầu hết là các bà, những người không còn trách nhiệm nào đối với gia đình, hay những người phụ nữ trẻ chưa lập gia đình và hầu gái, là những người không bao giờ có bất kỳ nghĩa vụ nào nữa trong gia đình. Nhiều người trong số họ cũng giàu có, có tài sản riêng, hoặc được hưởng sự giàu có và quyền lực từ gia đình của mình. Đó có lẽ là lý do tại sao chúng ta tìm thấy 500 phụ nữ theo bà Maha Prajapathi Gotami để xuất gia và thành lập nên giáo đoàn Tỳ kheo ni Sasana. Chúng ta cũng tìm thấy 500 phụ nữ từ các gia đình hoàng gia và ưu tú ở Anuradhapura cũng đi theo sau nữ hoàng Anula để thành lập Giáo đoàn ni Sasana ở Sri Lanka khi Sanghamitta Theri đến.

Các bà mẹ trẻ có con nhỏ phải có trách nhiệm nhiều hơn ở nhà, và không thể bỏ rơi đứa trẻ không được chăm sóc để có thời gian hay sở thích riêng tìm kiếm sự thanh thoi cho chính mình. Nhiều bà mẹ trẻ sẽ không thể xuất gia và trở thành một Tỳ kheo ni, vì họ sẽ không còn quyền chăm sóc con cái và tham gia vào các công việc của gia đình. Đôi khi, người phụ nữ cũng bị buộc phải kiếm sống để nuôi con.

Chúng tôi cũng tìm thấy nhiều Bà mẹ là cư sĩ tại gia, là những người được ghi tên của họ lên văn khắc Phật giáo vì đã cúng dường các tịnh xá, tu viện và những món quà có lợi khác cho các tổ chức Phật giáo và Tăng đoàn từ thời Đức Phật. Đồng thời, các nhà khảo cổ học đã không thể tìm thấy bất kỳ di tích hay bảo tháp di tích nào có chứa hài cốt của bất kỳ nữ A - la - hán hay Tỳ kheo ni nào, ở Ấn Độ hoặc bất kỳ quốc gia Phật giáo nào khác. Đã có những bằng chứng

văn học, được ghi lại trong nhiều thế kỷ sau đó, về bảo tháp di tích của bà Maha Prajapathi Gothami hoặc Sanghamitta Theri. Tình mẹ sẽ tiếp tục được tôn trọng trong cộng đồng Phật giáo.

Tiểu lục địa Ấn Độ gần nhất đã trở thành nơi thể hiện lòng tôn kính Người mẹ trong suốt thời kỳ Vua Asoka, thông qua sự truyền bá giáo lý của ông, nhưng không may thay cùng với sự sụp đổ của Vua Asoka là sự sụp đổ luôn cả triều đại Chandragupta, dẫn đến giai cấp Bà la môn lại một lần nữa thống trị và đẩy hình tượng của người phụ nữ và người mẹ trở lại vị trí nô dịch.

Trong tâm trí của Vua Ashoka luôn có sự bình đẳng, khi mà chúng ta đọc được những dòng chữ mà ông đã cho khắc trên cột đá. Ông đã cho khắc “Save munisa pyjama mamā” - Tất cả đàn ông đều là những đứa con của tôi (cột đá khắc chỉ dụ riêng biệt thứ 1), munisa có nghĩa là tất cả nhân sinh, không chỉ riêng người đàn ông. Khi ông khắc chữ “sādhu mātari cha pitari cha susrusā” - Mẹ và cha là những người đáng được tôn kính - nhất là người mẹ. (cột đá khắc chỉ dụ số 3). Nhưng trong cột đá thứ 9, ông lại đổ lỗi cho những người mẹ và các bà vợ thực hành quá nhiều nghi lễ có tính chất thô tục và vô ích khác nhau (bản dịch của Hultzsch trang 38). Có lẽ ông ta đã bị khuyên rằng chính các người mẹ và những người phụ nữ đã tổ chức tất cả các nghi lễ ngoại đạo, điều này mâu thuẫn với những tuyên bố khác của ông ta ở những nơi khác.

“Đức Phật đã hướng dẫn cho tất cả mọi người nhận ra vai trò quan trọng của người phụ nữ Vị trí của người phụ nữ trong gia đình đóng góp vào các phương diện tinh thần đã được công nhận một cách rõ ràng trong các bài giảng của Đức Phật và các tác phẩm văn học xuất hiện bên cạnh Phật pháp. Người mẹ mang đến sự ổn định, quan tâm, kiên nhẫn và lòng trắc ẩn ở trong gia đình, có được sự năng động, hoạt bát và thậm chí cả nỗ lực về thể chất..... Việc không thể nắm bắt được sự khác nhau giữa lối sống của người làm chủ gia đình và người ẩn cư đã dẫn đến việc hiểu lầm về vị trí của phụ nữ trong Phật giáo cũng như những đức tính và đỉnh cao tinh thần mà người phụ nữ đạt được, hay năng lực kỳ diệu mà họ chuyển đổi

từ một ngôi nhà thành một tổ ấm, là những quan điểm trọng tâm về phụ nữ của Đức Phật”.

Do đó, chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng Đức Phật sẽ không bao giờ từ chối hoặc trì hoãn việc thành lập giáo đoàn Ni, hoặc cho rằng sự gia nhập của chư ni vào Tăng đoàn của Đức Phật sẽ làm giảm tuổi thọ của giáo pháp xuống 500 năm, hoặc Ngài đặt ra Luật tạng đặc biệt để các Tỳ kheo ni phải tuân theo Tỳ kheo. Bởi vì hầu hết các Tỳ kheo ni đều đã là những Bà mẹ khi họ được xuất gia, và đã tu tập bốn Phạm trú (bốn tâm cao thượng) vào lúc đó, nên tình yêu thương của họ không chỉ dành riêng cho con cái mà còn cho tất cả mọi chúng sanh trên trái đất này. Tính tự kỷ luật sẽ luôn là một phần trong cuộc sống của người mẹ, ngay cả trước khi cô được xuất gia.

Rất nhiều sử liệu đã viết và ghi nhận về câu chuyện nỗ lực của bà Maha Prajapati Gotami để được phép xuất gia làm Tỳ kheo ni, và về việc Đức Phật đã từ chối kết nạp phụ nữ vào tăng đoàn như thế nào, và đệ tử thân cận nhất của Đức Phật, ngài Ananda, đã thuyết phục Đức Phật cho phép bà Gotami và những người theo Bà được phép xuất gia.

Nếu lúc đầu Đức Phật đã từ chối cho người nữ xuất gia để trở thành một Tỳ kheo ni, thì trong một số trường hợp, có thể là vì sự quan tâm thực sự của Phật đối với người phụ nữ hoặc gia đình của họ, đặc biệt là khi người phụ nữ phải chăm sóc con nhỏ của mình. Phật đã nhận thấy nhu cầu cần có sự chăm sóc từ mẹ của những đứa trẻ. Và với kiến thức vô hạn của Đức Phật, Ngài cũng biết rằng một người phụ nữ có thể đi theo con đường mà Đức Phật đã chỉ ra, ngay cả khi bà vẫn là một cư sĩ tại gia, và một Người mẹ có lẽ sẽ dễ chứng quả vị A la hán hơn khi bà chăm sóc con cái và Gia đình của mình, vì họ đã tu tập bốn Phạm trú.

“Một nữ cư sĩ tại gia phát triển niềm tin và đức hạnh, với sự sáng suốt, rộng lượng và có sự học hỏi: cô ấy nắm giữ bản chất ngay chính trong cô ấy” (Vaddha Sutta, SN 37.4). Một người phụ nữ, đặc biệt là một Người mẹ, người đã lắng nghe lời dạy của Đức Phật, người đã tu tập Phạm Trú, người mãnh mẽ cả về thể xác và tâm hồn, vì đã trải qua quá nhiều đau khổ và hy sinh, nên họ sẽ nhận ra rằng mình có thể trở thành một vị A La Hán, dù vẫn đang ở nhà hay sống độc cư trong rừng. Cô ấy sẽ biết rằng mình sẽ không có nhu cầu rời bỏ gia đình vì

cô ấy vẫn có thể vừa phục vụ gia đình và xã hội, đồng thời vẫn có thể tu tập để giải thoát cho chính mình.

THẤY PHẬT QUAME CỦA CHÚNG TA

Phật pháp là một với tình mẹ.

Chúng ta không thể bàn luận hết về Tình mẹ và Phật giáo một cách hợp lý dựa trên những tài liệu có sẵn. Những lời dạy nguyên thủy của Đức Phật đã không còn được giữ nguyên trong suốt cuộc đời của Ngài, bởi vì vào thời điểm kết tập kinh điển, rất nhiều thứ có thể đã được thay đổi, bỏ bớt hoặc thêm vào. Khi lời nói của Ngài được truyền lại qua nhiều thế hệ, những gì được viết sau đó có thể khác xa với những từ ngữ ban đầu. Ngay cả trong thế kỷ thứ 6 trước công nguyên, ý nghĩa của các từ sẽ khác nhau trong từng khu vực. Nên trong hai mươi sáu thế kỷ đã qua, ý nghĩa Phật pháp đã thay đổi rất nhiều lần.

Tất cả những gì chúng ta có thể chấp nhận là Tứ diệu đế, hướng loài người đến sự chấm dứt khổ đau luân hồi của chính mình. Và chúng ta cần tu tập bốn Phạm Trú để chúng đạt được điều đó. Chúng ta có thể chấp nhận rằng Đức Phật sẽ nhận ra một Người mẹ là người đủ điều kiện nhất để chúng đạt được Niết Bàn. Đức Thế Tôn sẽ không bao giờ phải nói với những người đệ tử của mình là hãy kính trọng và tôn thờ Người mẹ của mình, bởi vì đó là cái vốn có của tất cả chúng sinh, và của bất kỳ ai đang cố gắng đi theo con đường của Ngài. Họ sẽ nhận ra vị trí của Mẹ, và thấy rằng Mẹ là một vị Phật Sống ở nhà - điều mà các phật tử Sri Lanka đã nói.

Và một khi chúng ta nhận ra rằng Tình Mẹ rất thiêng liêng và xứng đáng với tất cả sự tôn trọng, thì chúng ta sẽ có sự tôn trọng đối với tất cả mọi người. Sau đó, chúng ta sẽ thấy rằng mọi bé gái đều sẽ là Mẹ trong tương lai, nên cần tất cả sự chăm sóc yêu thương của mọi người để cô ấy lớn lên, cũng như có sự tôn trọng đối với Tình mẹ trong suốt cuộc đời của mỗi người. Nếu như Phật tử chúng ta thực sự muốn tôn thờ Đức Phật, thì chúng ta hãy quay về tôn thờ chính Đức Phật của chúng ta tại nhà là Người mẹ của chúng ta. Và có thể các bà mẹ của chúng ta cũng sẽ chứng nhập được Niết Bàn.